

Số: 218/BC-THCSNT

Nam Thanh, ngày 24 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
Thường niên năm 2024

Thực hiện Thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ ở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường THCS Nam Thanh Báo cáo công tác hoạt động của đơn vị năm 2024 cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐƠN VỊ

Tên trường: Trường trung học cơ sở Nam Thanh

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ

Tỉnh	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Trần Thị Thanh Tịnh
TP	Điện Biên Phủ	Điện thoại	0965456089
Phường	Nam Thanh	Email cá nhân	tinht81db@gmail.com.vn
Đạt chuẩn quốc gia	2010	Website trường	http://thcsnamthanh.pgdtptdienbienphu.edu.vn
Năm thành lập	2003	Email trường	thcsnamthanh@gmail.com
Công lập	x	Số điểm trường	0
Tư thục	0	Loại hình khác	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0

Trường THCS Nam Thanh đóng trên địa bàn tổ dân phố 5, phường Nam Thanh, cách trung tâm thành phố khoảng 5 km về phía Tây. Phường có 11 tổ dân phố và 5 bản; 01 cụm dân cư. Phường có diện tích tự nhiên là 515,22 ha, có 13 dân tộc đang sinh sống.

Trong những năm gần đây kinh tế của phường có nhiều khởi sắc, trong năm vừa qua đã đạt được nhiều thành tích tốc độ tăng trưởng bình quân ở mức khá thu

nhập đầu người 38 triệu đồng /1 người/1 năm. Cơ sở hạ tầng phát triển, đời sống nhân dân trong phường có nhiều thay đổi góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo Quốc phòng - an ninh trên địa bàn phường.

Nhận thức một số người dân về giáo dục còn hạn chế, vẫn còn nhiều gia đình học sinh dân tộc có hoàn cảnh khó khăn.

Trường Trung học cơ sở Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được thành lập ngày 17 tháng 08 năm 2000 lấy tên là trường Trung học cơ sở thị trấn Mường Thanh. Từ ngày 15 tháng 12 năm 2003 đổi tên trường thành trường Trung học cơ sở Nam Thanh theo Quyết định số 402/2003/QĐ-UB của UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Khi thành lập trường, cơ sở vật chất còn khó khăn. Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, đặc biệt Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên phủ, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường; cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư; chất lượng dạy và học có nhiều chuyển biến tích cực.

Trường có 01 hội đồng trường với 11 thành viên được thành lập đúng quy định.

Cán bộ quản lý nhà trường gồm 03 đồng chí có năng lực và được bổ nhiệm theo đúng quy định.

Trường có cơ sở vật chất tương đối đầy đủ đáp ứng yêu cầu việc dạy và học với 13 phòng học kiên cố, 04 phòng bộ môn(02 phòng KHTN;01 phòng Tiếng anh; 01 phòng học bộ môn Tin học); 01 dãy nhà hiệu bộ gồm 05 phòng (01 phòng làm việc của hiệu trưởng, 02 phòng làm việc của phó hiệu trưởng, 01 hành chính kế toán, 01 phòng họp); 01 phòng thư viện, 03 phòng làm việc của tổ chuyên môn, văn phòng, đoàn thể; 01 phòng y tế; 02 phòng kho; 03 khu nhà vệ sinh; 01 hệ thống nước sạch. Hệ thống các khối phòng hành chính, phòng học được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho giảng dạy và học tập. Được sự chỉ đạo của UBND thành phố Điện Biên Phủ, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh phường Nam Thanh đã hoàn thành phổ cập GDTHCS mức độ III năm 2024.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo; Trường THCS Nam Thanh thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn xã Nam Thanh: Giảng dạy, huy động trẻ em lứa tuổi THCS đến trường; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; học sinh khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục THCS. Dưới sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, chính quyền địa phương, đặc biệt Phòng GD&ĐT thành phố, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường, chất lượng giáo dục đã có những chuyển biến rõ rệt, cụ thể:

Kết quả học tập và kết quả rèn luyện của học sinh luôn đảm bảo và ngày một nâng cao. Hàng năm nhà trường đều có học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh; HS thi đỗ vào trường chuyên Lê Quý Đôn năm sau cao hơn năm trước.

Các tổ chức Công đoàn; Chi Đoàn thanh niên; Liên đội Thiếu niên, Tiền phong Hồ Chí Minh; Chi Hội khuyến học; Chi Hội chữ thập đỏ; Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn tất nhiệm vụ các năm học.

Công tác thu chi tài chính của nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc theo đúng nguyên tắc tài chính.

Với những nỗ lực đó nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: Từ năm 2003 đến nay nhà trường luôn duy trì danh hiệu tập thể lao động tiên tiến hoặc tập thể lao động xuất sắc, nhiều lần được UBND thành phố tặng giấy khen, Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên; cờ thi đua của UBND tỉnh Điện Biên; Huân chương lao động hạng III, hằng năm nhiều cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Lao động tiên tiến; được UBND thành phố tặng Giấy khen, Bằng khen của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi nhà trường phải không ngừng đổi mới, tích cực hòa nhập, giao lưu học hỏi, tiếp cận, tiếp thu những kiến thức, những kinh nghiệm tiên tiến của trường bạn về áp dụng vào trường mình một cách phù hợp, hiệu quả. Một yêu cầu đặt ra với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh trường THCS Nam Thanh là phải luôn luôn cố gắng, học hỏi để duy trì, nâng cao chất lượng tiếp tục duy trì trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2023-2028.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

	TS	Nữ	DT	Đảng viên	Trình độ chuyên môn						Biên chế	Hợp đồng
					ThS	ĐH	CĐ	TC	SC	CQĐT		
1. Ban giám hiệu	3	3	0	3	1	2					3	
Hiệu trưởng	1	0	0	1	1	0					1	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	2					2	
2. Giáo viên giảng dạy	28	22	3	24	0	28	0				28	
- Văn, Sử, GDCD	8	8	1	7	0	8	0				8	
- Toán, Lý, CN	8	6	0	8	0	8	0				8	
- Sinh, Hoá, Địa	5	5	1	5	0	5	0				5	
- Tin	1	0	0	1	0	1	0				1	
- GDTC	2	0	1	1	0	2	0				2	
- Ngoại ngữ	2	1	0	2	0	2	0				2	
- Âm nhạc	1	0	0	1	0	1	0				1	
- Mỹ thuật	1	0	1	0	0	1	0				1	

3. TPT Đội TNTP HCM	1	1	1	1	0	1	0				1	
Bán chuyên trách	0	0	0	0		0					0	
4. Nhân viên	4	2	0	1	0	0	1	1		2	2	2
Thiết bị	0	0	0	0	0	0	0	0			0	
Thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0			0	
Y tế	1	0	1	1	0	0	0	1			1	
Kế toán	1	0	0	1	0	0	1	0			1	
Phục vụ	0	0	0	0	0	0	0	0			0	
Bảo vệ	2	0	2	2	0	0	0	0		2	0	2

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, và đạt chuẩn nghề nghiệp.

- 100% cán bộ giáo viên hoàn thành các chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	13	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	0.8m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	4	0.6m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	1.8
8	Bình quân học sinh/lớp	414	31,8

III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4002	9,6
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1500	3,62
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	614,4 m ²	1,48m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	256 m ²	0,62m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	96m ²	0,23m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	46	3,54
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	0.33
1.1	Khối lớp 6	1	0.33
1.2	Khối lớp 7	1	0.25
1.3	Khối lớp 8	1	0.33
1.4	Khối lớp 9	1	0.33
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
2.4	Khối lớp 9	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	50	0.5

4	Khu vườn rau nội trú			0	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)			31	Số học sinh/bộ 12,1/1	
	IX Tổng số thiết bị dùng chung khác				Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi			02	0,81	
2	Cát xét			09	0,7	
3	Đầu Video/đầu đĩa			0	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể			20	1.53	
5	Phòng học thông minh			7	0,6	
6	Thiết bị khác...			30	2,3	
7	Bàn ghế học sinh			300	18	
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		1/1		0.1 (m ²)
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

*) Công trình khác:

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

(Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông)

có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

*) Sách giáo khoa, sách tham khảo: có đầy đủ đầu sách, số lượng sách theo danh mục được lựa chọn đáp ứng cho công tác dạy và học trong nhà trường.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Năm học 2024 - 2025 nhà trường thành lập hội đồng tự đánh giá và tiến hành tự đánh, cải tiến chất lượng hàng năm.

Theo tự đánh giá nhà trường tiếp tục duy trì trường đạt kiểm định chất lượng: Cấp độ 3; Duy trì trường chuẩn Quốc gia mức độ II.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh được 97/97 em đạt 100% vào lớp 6 với phương thức tuyển sinh là xét tuyển.

Thực hiện nghiêm kế hoạch giáo dục của nhà trường với các khối 6,7,8,9 thực hiện chương trình GDPT 2018 đảm bảo kế hoạch và mục tiêu đặt ra.

Trong năm học nhà trường đã xây dựng các quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm nâng cao chất lượng công việc, giáo dục đạo đức học sinh.

Năm học 2024-2025: Tổng số học sinh: 414 trong đó có 13 lớp (lớp 9; 03 lớp 8; 03; lớp 7: 04; lớp 6: 03) đạt 100% kế hoạch giao.

Về chất lượng giáo dục học sinh trong năm học 2023- 2024:

Kết quả chuyển lớp: 407/407 = 100%

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS: 85/85 = 100%

Lớp 6,7,8 thay sách giáo khoa mới năm học 2023-2024

TS	Kết quả rèn luyện								Kết quả học tập							
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
318	281	88,1	33	10,4	4	1,5	0	0	120	37,6	112	35,1	86	27,3	0	0

Trường học mới lớp 9

TS	Phẩm chất						Học tập					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		HTT		Hoàn thành		CNDCHT	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
85	80	94,1	5	5,9	0	0	35	41,2	42	49,4	8	9,4

+ HS Xuất sắc: 20/318 học sinh = 6,3 %; HS Giỏi: 136 /403 học sinh = 33,7 %

+ HS tiên tiến, HTT: 28 /85 em = 32,9 %

Tuyển sinh vào lớp 10 THPT

Năm 2023-2024 có 85 học sinh TN THCS có 83 học sinh tham gia thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT trên địa bàn thành phố và tỉnh có 83/83 học sinh trúng tuyển; 2 HS học nghề; trong đó có 12 hs đỗ trường THPT chuyên Lê Quý Đôn; 2 HS đỗ trường PTDTNT tỉnh.

Tham gia các cuộc thi, hội thi:

Cuộc thi học sinh giỏi lớp 9, thi toán; tiếng anh trên mạng, Chuyển lớp, chuyển cấp

HSG lớp 9 cấp TP	HSG lớp 9 cấp Tỉnh	Chuyển lớp	Chuyển cấp
18/85=21%	8/85 = 9,4%	100%	100%

Các cuộc thi khác:

- Thi KHKT: 2 giải cấp TP; Thi Sáng tạo TTNĐ: 2 giải cấp thành phố
- Thi trên mạng : 49 giải cấp thành phố;13 giải cấp tỉnh;4 giải cấp Quốc gia
- Thi vẽ tranh kỉ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên phủ : 3 giải
- Thi Dân vũ : Giải nhì cấp tỉnh;Thi điệu xoè thái: 2 giải A; 1 giải xuất sắc.
- Giải bơi: 12 giải cấp thành phố
- Các hoạt động phong trào: Tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào do Phòng GD&ĐT tổ chức.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo	Năm liền kề trước năm báo cáo
I	Dự toán, số dư năm trước chuyển sang	14.598.623	129.549.587
1	Nguồn ngân sách cấp	-	10.000.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	-	-
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	-	10.000.000
2	Nguồn khác	14.598.623	119.549.587
	Học phí	14.598.623	119.549.587
II	Tổng số thu	9.129.660.000	7.406.098.000
1	Nguồn ngân sách cấp	8.805.960.000	7.104.648.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	7.555.910.000	6.269.798.000
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1.250.050.000	834.850.000
	Trong đó: - Nguồn 12	1.048.050.000	834.850.000
	- Nguồn 18 Thuởng theo ND 73/2024/ND-CP	202.000.000	
2	Nguồn thu khác	323.700.000	301.450.000
	Học phí	87.150.000	81.750.000
	Nước uống + dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	60.480.000	57.350.000
	Trông xe đạp, xe đạp điện	27.540.000	18.950.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tu bổ cơ sở vật chất	148.530.000	143.400.000
III	Tổng số chi	9.121.284.068	7.521.048.964
1	Nguồn chi ngân sách	8.797.822.000	7.114.648.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	7.551.510.000	6.269.798.000

	Tiền lương và các khoản theo lương	7.156.403.842	5.395.555.319
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	37.729.055	39.791.809
	Chi hoạt động giáo dục	357.377.103	834.450.872
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1.246.312.000	844.850.000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học, sửa chữa	1.020.192.000	819.000.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí	24.120.000	25.850.000
	- Thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	202.000.000	
2	Nguồn chi khác	323.462.068	406.400.964
	Chi cải cách tiền lương, chi hoạt động từ nguồn học phí	86.912.068	186.700.964
	Nước uống + dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	60.480.000	57.350.000
	Trồng xe đạp, xe đạp điện	27.540.000	18.950.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tu bổ cơ sở vật chất	148.530.000	143.400.000
IV	Số dư cuối kỳ	22.974.555	14.598.623
1	Nguồn ngân sách cấp (hủy dự toán)	8.138.000	-
1.1	Nguồn chi thường xuyên (Tiết kiệm NS 5% theo NQ 119)	4.400.000	-
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	3.738.000	-
2	Nguồn khác	14.836.555	14.598.623
	Học phí	14.836.555	14.598.623

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục

- Số học sinh bỏ học, số học sinh đi học không chuyên cần: Không.

- Tỷ lệ huy động: Tổng số trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học năm qua vào học lớp 6: 97/97, tỷ lệ 100%. Tổng số trẻ 11-14 tuổi học THCS 535/535, tỷ lệ 100%. Thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tốt nghiệp THCS đạt tỷ lệ 100%. Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-15 tuổi trên địa bàn có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục 4/4; tỷ lệ: 100%.

2. Công tác thi đua

- Thành tích của tập thể nhà trường đạt: Tập thể lao động tiên tiến được UBND thành phố tặng giấy khen;

- Thành tích cá nhân:

+ Cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt lao động tiên tiến: 36/36

+ Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 12

+ Giấy khen của UBND thành phố Điện Biên Phủ: 8

- + Giáo viên dạy giỏi các cấp đạt: Cấp tỉnh 4; cấp thành phố :15; cấp trường: 10
- + Cá nhân có sáng kiến kinh nghiệm cấp trường, cấp thành phố: 19
- Đoàn thanh niên, đội thiếu niên: hàng năm được thành đoàn Điện Biên Phủ khen có thành tích nổi bật trong công tác.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 của trường THCS Nam Thanh .

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT(B/c);
- Webservice nhà trường ;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Tịnh